

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Đầy; Bà Phạm Kim Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐ-ST ngày 09 tháng 4 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Diễm T**, sinh năm 1996 (xin vắng);

Địa chỉ: **Ấp A, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.**

- Bị đơn: Ông **Tạ Khang L**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: **Ấp A, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà **T** và ông **L** có tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **H, huyện N, tỉnh Cà Mau** vào ngày 19/8/2019.

Trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Do mâu thuẫn bất đồng trầm trọng, không hàn gắn được nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay, từ khi ly thân

không còn liên lạc nhau và đã ổn định cuộc sống riêng, nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **T** yêu cầu ly hôn với ông **L**.

Về con chung: Có 01 người con tên Tạ **Bùi Nhất A**, sinh ngày 01/10/2019 (nữ), từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cháu **Nhất A** do bà **T** nuôi dưỡng chăm nom, ông **L** không hề liên hệ thăm nom quang tâm chăm sóc con, nay bà **T** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu xem xét giải quyết.

*Bị đơn ông **Tạ Khang L1** được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng ông **L** vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.*

Tại phiên tòa: Nguyên đơn xin vắng mặt và bị đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai nhưng đương sự vẫn vắng mặt, áp dụng vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn ông **Tạ Khang L** là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Bùi Thị Diễm T** và ông **Tạ Khang L** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **H**, huyện **N**, tỉnh **Cà Mau** vào ngày 19/8/2019. Vì vậy quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Theo trình bày của bà **T**, trong thời gian sống chung vợ chồng có những bất hòa không hàn gắn được, dẫn đến mất hạnh phúc, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung giữa vợ chồng nên thường xuyên cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay, thời gian ly thân cũng không liên lạc nhau hàn gắn hôn nhân cũng như thăm nom chăm sóc con chung.

Ông **L** vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến.

Xét thấy, lời trình bày của bà T là có căn cứ vì thực tế ông L thường xuyên không có mặt tại địa phương, vợ chồng đã không còn liên lạc từ khi ly thân, ông L cũng thăm nom chăm sóc con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L nhưng ông không đến Tòa để giải quyết việc ly hôn và cũng không có văn bản ý kiến về nội dung vụ án, từ đó cho thấy ông L không có thiện ý hàn gắn mâu thuẫn để duy trì hôn nhân, cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông bà có tiếp tục duy trì cũng không mang lại hạnh phúc nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2] Về con chung: Có 01 người con tên Tạ Bùi Nhất A1, sinh ngày 01/10/2019 (nữ), hiện cháu đang sống với bà T từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cuộc sống của cháu đã ổn định và thực tế ông L không quan tâm chăm sóc con chung trong thời gian đã qua vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của bà T là có cơ sở.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản và nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà T1 chịu, được đòi trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp, không phải nộp tiếp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Diễm T được ly hôn với ông Tạ Khang L.

- Về con chung: Giao cháu **Tạ Bùi Nhất A1**, sinh ngày 01/10/2019 (nữ) cho bà **Bùi Thị Diễm T** tiếp tục tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Ông **L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng bà **T1** chịu, bà **T2** nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0013915 ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- UBND xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Khánh